TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày 04 - 5 - 2018
V/v tranh chấp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018, về việc tranh chấp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Trương Văn X, sinh năm 1956

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961

Người đại diện hợp pháp cho ông X: Bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 05/12/2017*) (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp XR, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Phương N1 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp XR, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Trương Văn X, bà Nguyễn Thị N và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, vợ chồng bà có làm chủ hụi, bà Nguyễn Phương N1 có tham gia chơi hụi trong các dây hụi, cụ thể:

- *Dây thứ 1*:

Vào ngày 10/7/2014 âl, vợ chồng bà có mở dây hụi 500.000đ, gồm 36 phần, bà N1 tham gia 02 phần. Sau đó, bà N1 mua 01 phần hụi của ông M. Bà N1 đóng hụi đến ngày 16/7/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết 02 phần của bà là: (10 lần x 500.000đ) x 2 = 10.000.000đ.

01 phần mua của ông M là: 16 lần x 500.000đ = 8.000.000đ.

Tổng cộng 03 phần còn thiếu là 18.000.000đ.

- *Dây thứ 2*:

Mở ngày 10/7/2014 âl, loại hụi 500.000đ, 01 tháng khui 01 lần, gồm 36 phần, bà N1 tham gia 01 phần. Bà N1 đóng hụi đến ngày 16/7/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: 10 lần x 500.000đ = 5.000.000đ.

- *Dây thứ 3*:

Mở ngày 10/11/2014 âl, loại hụi 300.000đ, gồm 42 phần, bà N1 tham gia 03 phần. Phần 01 bà N1 hốt vào ngày 10/11/2014, phần 02 hốt vào ngày 10/01/2015, còn phần thứ 03 không nhớ ngày hốt.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 16/7/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (21 lần x 300.000đ) x 3 = 18.900.000đ.

- *Dây thứ 4*:

Mở ngày 10/7/2015 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 34 phần, bà N1 tham gia 05 phần. Phần 01, 02 và 03 bà N1 hốt vào ngày 10/7/2015, phần 04 hốt vào ngày 10/9/2015, phần thứ 05 hốt vào ngày 10/10/2015.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 16/7/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (21 lần x 500.000đ) x 5 = 52.500.000đ.

- *Dây thứ 5*:

Mở ngày 10/7/2015 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 46 phần, bà N1 tham gia 05 phần. Bà N1 hốt 03 phần, còn sống 02 phần, cụ thể: Phần 01 và 02 bà N1 hốt vào ngày 10/7/2015, phần 3 hốt vào ngày 10/9/2015.

02 phần sống bà N1 đóng được là: (13 lần x 500.000đ) x 2 = 13.000.000đ.

03 phần hụi chết bà N1 phải đóng là: (33 lần x 500.000đ) x 3 = 49.500.000đ.

- *Dây thứ 6*:

Mở ngày 10/01/2016 âl, loại hụi 1.000.000đ, gồm 26 phần, bà N1 tham gia 03 phần và mua 01 phần hụi của ông G. Bà N1 đã hốt hết 04 phần, cụ thể: Phần 01 và 02

bà N1 hốt vào ngày 10/01/2016, phần 03 hốt vào ngày 10/02/2016, phần thứ 04 hốt vào ngày 10/5/2016.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 16/7/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (19 lần x 1.000.000đ) x 4 = 76.000.000đ.

- *Dây thứ 7*:

Mở ngày 10/6/2016 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 32 phần, bà N1 tham gia 03 phần. Bà N1 đã hốt hết 01 phần vào ngày 10/6/2016, còn sống 02 phần.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 16/7/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: 30 lần x 500.000đ = 15.000.000đ.

02 phần hụi sống bà N1 đóng được là: (02 lần x 500.000đ) x 2 = 2.000.000đ.

- *Dây thứ 8*:

Mở ngày 15/4/2015 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 45 phần, bà N1 tham gia 02 phần. Bà N1 đã hốt hết 02 phần, phần 01 hốt vào ngày 15/4/2015 âl, phần 02 hốt vào ngày 15/5/2015 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 15/7/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (30 lần x 500.000đ) x 2 = 30.000.000đ.

- *Dây thứ 9*:

Mở ngày 26/9/2014 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 40 phần, bà N1 tham gia 06 phần. Bà N1 đã hốt hết 06 phần, cụ thể: Phần 01, 02, và 03 hốt vào ngày 26/9/2014 âl, phần 04 hốt vào ngày 26/10/2014 âl, phần 05 hốt vào ngày 26/10/2015 âl, phần 06 hốt vào ngày 26/11/2015 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (16 lần x 500.000đ) x 6 = 48.000.000đ.

- *Dây thứ 10*:

Mở ngày 26/12/2014 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 48 phần, bà N1 tham gia 05 phần. Bà N1 đã hốt hết 05 phần, cụ thể: Phần 01và 02 hốt vào ngày 26/01/2014 âl, phần 03 và 04 hốt vào ngày 26/02/2015 âl, phần 05 hốt vào ngày 26/3/2015 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (28 lần x 500.000đ) x 5 = 70.000.000đ.

- *Dây thứ 11*:

Mở ngày 26/5/2016 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 42 phần, bà N1 tham gia 02 phần. Bà N1 đã hốt hết 02 phần, cụ thể: Phần 01 hốt vào ngày 26/5/2016 âl, phần 02 hốt vào ngày 26/6/2016 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (39 lần x 500.000đ) x 2 = 39.000.000đ.

- *Dây thứ 12*:

Mở ngày 30/10/2013 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 36 phần, bà N1 tham gia 02 phần. Bà N1 đã hốt hết 02 phần, cụ thể: Phần 01 hốt vào ngày 30/10/2013 âl, phần 02 hốt vào ngày 30/12/2013 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (01 lần x 500.000đ) x 2 = 1.000.000đ.

- *Dây thứ 13*:

Mở ngày 30/01/2014 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 41 phần, bà N1 tham gia 02 phần. Bà N1 đã hốt hết 02 phần, cụ thể: Phần 01 không nhớ ngày hốt, phần 02 hốt vào ngày 30/02/2014 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (09 lần x 500.000đ) x 9 = 9.000.000đ.

- *Dây thứ 14*:

Mở ngày 30/9/2014 âl, loại hụi 300.000đ, gồm 40 phần, bà N1 tham gia 03 phần. Bà N1 đã hốt hết 03 phần, cụ thể: Phần 01 hốt vào ngày 30/9/2014 âl, phần 02 hốt vào ngày 30/10/2014 âl, phần 03 hốt vào ngày 30/11/2014 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (16 lần x 300.000đ) x 3 = 14.400.000đ.

- *Dây thứ 15*:

Mở ngày 30/02/2014 âl, loại hụi 300.000đ, gồm 43 phần, bà N1 tham gia 04 phần. Bà N1 đã hốt hết 04 phần, cụ thể: Phần 01 hốt vào ngày 30/02/2014 âl, phần 02 hốt vào ngày 30/9/2014 âl, phần 03 và 04 không nhớ ngày, tháng hốt.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (12 lần x 300.000đ) x 4 = 14.400.000đ.

- *Dây thứ 16*:

Mở ngày 30/12/2015 âl, loại hụi 500.000đ, gồm 42 phần, bà N1 tham gia 06 phần. Bà N1 đã hốt hết 06 phần, cụ thể: Phần 01, 02 và 03 hốt vào ngày 30/12/2015 âl, phần 04 hốt vào ngày 30/01/2016 âl, phần 05 hốt vào ngày 30/02/2016 âl, phần 06 không nhớ ngày, tháng hốt.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (34 lần x 500.000đ) x 6 = 102.000.000đ.

- *Dây thứ 17*:

Mở ngày 30/12/2015 âl, loại hụi 1.000.000đ, gồm 26 phần, bà N1 tham gia 04 phần. Bà N1 đã hốt hết 02 phần hốt vào ngày 30/01/2016 âl.

Bà N1 đóng hụi đến ngày 04/8/2016 âl thì ngưng, bà N1 còn thiếu tiền hụi chết là: (18 lần x 1.000.000đ) x 2 = 36.000.000đ.

02 phần hụi sống bà N1 đóng được là: (07 lần x 1.000.000đ) x 02 = 14.000.000đ.

Tổng cộng 17 dây hụi bà N1 còn nợ tổng số tiền là 598.700.000đ, đối trừ số tiền hụi sống 29.000.000đ, bà N1 còn nợ lại là 569.700.000đ.

Vào ngày 16/01/2016, ông X và bà N có cho bà N1 vay số tiền 100.000.000đ và 10 chỉ vàng 24k, lãi suất theo thỏa thuận, bà Ngơi đóng lãi đến ngày 16/7/2016.

Tại phiên tòa: Bà N yêu cầu bà N1 trả cho bà và ông X số tiền là 556.200.000đ và 10 chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi tiền, vàng vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn ông Trương Văn X và bà Nguyễn Thị N, bị đơn bà Nguyễn Phương N1 là vụ kiện tranh chấp hụi và vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết, tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn bà Nguyễn Phương N1. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà N1 vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N1.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của ông X và bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Việc chơi hụi giữa các đương sự là thực tế có xãy ra, đồng thời các dây hụi này đến ngày Tòa án giải quyết có một số dây đã mãn và một số dây chưa mãn. Tuy nhiên, trong 17 dây hụi mà ông X và bà N yêu cầu có 05 dây hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa mãn.

[4] *Xét các dây hụi ông X và bà N yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm đã mãn hụi, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Ông X và bà N là chủ hụi, còn bà N1 là hụi viên. Trong quá trình chơi hụi, bà N1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ông X và bà N, trong khi đó ông X và bà N phải thực hiện thay nghĩa vụ của bà N1 đối với các hụi viên khác. Do ông X và bà N (*chủ hụi*) đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả các hụi viên khác với vai trò của người bảo lãnh nên bà N1 (*hụi viên*) phải hoàn trả số tiền mà ông X và bà N đã đóng cho các hụi viên khác là có căn cứ.

Số tiền mà ông X và bà N đã thực hiện thay nghĩa vụ của bà N cụ thể: Dây 1: Số tiền 18.000.000đ; dây 2: Số tiền 5.000.000đ; dây 3: Số tiền 18.900.000đ; dây 4: số tiền 52.500.000đ; dây 5: 76.000.000đ; dây 7: Số tiền 9.500.000đ; dây 9: Số tiền 48.000.000đ; dây 10: Số tiền 1.000.000đ; dây 11: Số tiền 9.000.000đ; dây 12: Số tiền

14.400.000đ; dây 13: Số tiền 14.400.000đ; dây 14: Số tiền 36.000.000đ. Tổng cộng là 302.700.000đ

[5] *Xét các dây hụi ông X và bà N yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa mãn hụi, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Trong 05 dây hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa mãn thì Hội đồng xét xử chỉ xem xét và chấp nhận số tiền mà ông X và bà N đã thực hiện nghĩa vụ thay cho bà N1 đến ngày xét xử sơ thẩm. Còn các khoản tiền sau ngày xét xử sơ thẩm thì Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Số tiền mà ông X và bà N đã thực hiện thay nghĩa vụ của bà N1 trong 05 dây hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa mãn hụi, cụ thể: Dây 6: Số tiền 31.500.000đ; dây 8: Số tiền 21.000.000đ; dây 15: Số tiền 50.000.000đ; dây 16: Số tiên 20.000.000đ; dây 17: Số tiền 60.000.000đ. Tổng cộng là 182.500.000đ.

[6] Tổng số tiền hụi sống trong các dây hụi của bà N1 còn lại là 29.000.000đ.

[7] Như vậy, tổng số tiền của các dây hụi đã mãn và các dây hụi chưa mãn mà ông X và bà N đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho các hụi viên khác với vai trò của người bảo lãnh là: 302.700.000đ + 182.500.000đ = 485.200.000đ.

Số tiền này được đối trừ với số tiền hụi sống còn lại của bà N1 là: 485.200.000đ – 29.000.000đ = 456.200.000đ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông X và bà N là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Xét yêu cầu của ông X và bà N đối với số tiền và vàng bà N1 mượn, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào ngày 16/01/2016, ông X và bà N có cho bà N1 vay số tiền 100.000.000đ và 10 chỉ vàng 24k là thực tế có xảy ra. Việc vay tiền, vàng giữa các đương sự có làm biên nhận. Kể từ khi vay tiền, vàng đến nay bà N1 không trả vốn, lãi. Nay ông X và bà N yêu cầu bà N1 trả số tiền 100.000.000đ và 10 chỉ vàng 24k. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông X và bà N là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Ông X và bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: Số tiền được Hội đồng xét xử chấp nhận là 556.200.000đ và 10 chỉ vàng 24k (*giá vàng theo Hội mỹ nghệ kim hoàn tỉnh Cà Mau ngày 04/5/2018: 01 chỉ vàng 24k, giá 3.640.000đ*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn X và bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Phương N1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn X và bà Nguyễn Thị N số tiền là 556.200.000đ (*năm trăm năm mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng*) và 10 (*mười*) chỉ vàng 24k.

2. *Kể từ ngày ông Trương Văn X và bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu bà Nguyễn Phương N1 chậm thi hành, thì hàng tháng bà N1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.*

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Ông Trương Văn X và bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Phương N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 27.704.000đ (*chưa nộp*).

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Trương Minh Thịnh